

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC  
LÂM ĐỒNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(đã được kiểm toán)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC  
LÂM ĐỒNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

		Trang
<b>PHẦN I</b>	<b>BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>02 – 30</b>
	Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
	Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập về Báo cáo tài chính	04 – 05
	Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	06 – 30
	Bảng cân đối kế toán	06 – 08
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 30
<b>PHẦN II</b>	<b>BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ</b>	<b>31 – 32</b>
<b>PHẦN III</b>	<b>BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ</b>	<b>33 – 34</b>
<b>PHẦN IV</b>	<b>THƯ QUẢN LÝ</b>	<b>35 – 39</b>



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **CÔNG TY**

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng là Công ty TNHH MTV (100% vốn nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng. Công ty chính thức hoàn tất thủ tục pháp lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 11/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2011.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước và khai thác, sản xuất, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ khác về ngành nước. Chi tiết các hoạt động kinh doanh khác được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo báo cáo này.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 14 Quang Trung - thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Công ty đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo là:

Ông Võ Quang Tuấn                      Chủ tịch Công ty

### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quang Tuấn	Giám đốc
Ông Hà Ngọc Quế	Phó Giám đốc
Ông Võ Quốc Trang	Phó Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

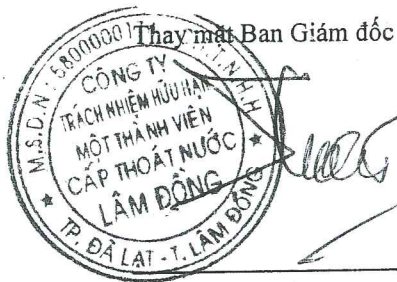
07/T  
PHÒNG  
G CH  
QUANG  
-T. L

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**  
Số 14 Quang Trung - thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc  
**Võ Quang Tuấn**  
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 05 năm 2015

**CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực 28/14...quyển số 06...TP/CCSCT/SGT

Ngày 08...tháng 12 năm 20...17

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU**



**Đoàn Quang Lưu**



Số: *MM*/2015/BCKT.TC-AASC.KT5

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”), bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn có những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm những đánh giá về rủi ro của những sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính là do gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá về rủi ro này, kiểm toán viên phải xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp với từng tình huống cụ thể, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán do Ban Giám đốc đưa ra, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Năm 2013, Công ty ghi nhận cổ tức được chia từ các công ty con, công ty liên kết theo thông báo chi trả cổ tức. Tuy nhiên, năm 2012 Công ty đã tạm hạch toán theo số ước tính với số tiền là 2.421.873.862 VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, số liệu Doanh thu tài chính trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013 giảm đi số tiền tương ứng.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Ngoài vấn đề phát sinh năm 2013 đã được trình bày trên đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên, trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2013 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng Kiểm toán viên đã đưa ý kiến ngoại trừ về các vấn đề liên quan đến các khoản phạt chậm tiền độ khác và một số vấn đề khác, tuy nhiên các vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm nay.



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2013-002-1

**Trần Thị Mai Hương**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0593-2013-002-1

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASO**  
Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2015

**CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực 2815, quyển số 06, TP/CCSCT/SGT  
Ngày 28 tháng 12 năm 2017



**Đoàn Quang Lưu**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>64.558.222.122</b>	<b>39.928.631.808</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>8.358.146.976</b>	<b>8.505.497.136</b>
111	1. Tiền		8.358.146.976	8.505.497.136
130	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>34.224.981.188</b>	<b>12.295.599.214</b>
131	1. Phải thu khách hàng		5.054.174.588	2.727.494.718
132	2. Trả trước cho người bán		25.516.801.402	4.020.009.332
135	3. Các khoản phải thu khác	4	4.482.247.427	5.548.095.164
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(828.242.229)	-
140	<b>III. Hàng tồn kho</b>	5	<b>16.441.268.190</b>	<b>18.076.264.969</b>
141	1. Hàng tồn kho		16.566.089.173	18.076.264.969
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(124.820.983)	-
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.533.825.768</b>	<b>1.051.270.489</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	57.152.500
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.834.387.016	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	1.411.429.943	663.190.783
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	288.008.809	330.927.206
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>402.136.107.069</b>	<b>307.441.751.008</b>
220	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>348.236.715.913</b>	<b>252.444.308.352</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	191.094.300.091	170.198.996.426
222	- Nguyên giá		272.953.805.197	241.940.305.529
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.859.505.106)	(71.741.309.103)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	661.112.641	689.285.096
228	- Nguyên giá		1.078.417.842	1.078.417.842
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(417.305.201)	(389.132.746)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	156.481.303.181	81.556.026.830
250	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	11	<b>46.325.000.000</b>	<b>46.325.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		25.758.000.000	25.758.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		20.567.000.000	20.567.000.000
260	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.574.391.156</b>	<b>8.672.442.656</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.572.397.469	8.671.842.656
268	2. Tài sản dài hạn khác		1.993.687	600.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>466.694.329.191</b>	<b>347.370.382.816</b>





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>209.562.164.477</b>	<b>122.527.860.436</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>77.832.012.177</b>	<b>29.217.098.075</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	11.382.821.183	5.962.000.000
312	2. Phải trả người bán		54.314.187.975	9.942.921.451
313	3. Người mua trả tiền trước		826.358.544	1.691.072.003
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	10.648.736	679.180.769
315	5. Phải trả người lao động		5.643.747.994	4.829.464.020
316	6. Chi phí phải trả	15	849.653.162	261.828.372
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	4.057.953.961	5.340.643.624
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		746.640.622	509.987.836
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>131.730.152.300</b>	<b>93.310.762.361</b>
334	1. Vay và nợ dài hạn	17	130.921.605.337	92.409.918.345
338	2. Doanh thu chưa thực hiện		154.829.637	-
339	3. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		653.717.326	900.844.016
<b>400</b>	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>257.132.164.714</b>	<b>224.842.522.380</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>257.132.164.714</b>	<b>224.842.522.380</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		207.821.547.438	200.961.124.886
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		217.013.439	6.682.357.990
421	3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		49.093.603.837	17.199.039.504
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>466.694.329.191</b>	<b>347.370.382.816</b>

C.T.H  
Y  
HỮU HẠN  
M.T.Đ  
30  
M. TP

Đ: 07/  
VĂN PH  
ÔNG C  
HÀN QU  
97-T

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	3.244.996.249	3.244.996.249
2. Ngoại tệ các loại		
- USD	151.542,35	100.116,04

**CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực 2866... quyển số 06... TP/CCSCT/SGT

Ngày 08 tháng 12 năm 2014

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU**



Võ Quang Tuấn  
Giám đốc

**Đoàn Quang Lưu**

Nguyễn Văn Dũng  
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 05 năm 2015



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014		Năm 2013	
			VND		VND	
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	137.941.991.767	124.849.257.406		
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		76.122.050	245.761.472		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		137.865.869.717	124.603.495.934		
11	4. Giá vốn hàng bán	20	118.461.991.608	107.249.550.235		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.403.878.109	17.353.945.699		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.295.249.366	558.831.449		
22	7. Chi phí tài chính	22	1.652.187.131	679.081.799		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.652.187.131	679.081.799		
24	8. Chi phí bán hàng	23	4.045.089.091	3.278.121.692		
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	13.474.741.277	13.110.972.300		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.527.109.976	844.601.357		
31	11. Thu nhập khác	25	1.570.132.210	1.879.142.585		
32	12. Chi phí khác	26	2.013.860.288	761.942.205		
40	13. Lợi nhuận khác		(443.728.078)	1.117.200.380		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.083.381.898	1.961.801.737		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	1.183.623.365	373.775.055		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		899.758.533	1.588.026.682		



CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 2867.....quyển số 06.....TP/CCSCT/SGT  
Ngày 01 tháng 12 năm 2014.  
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU

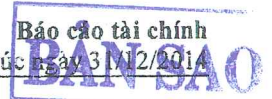


Võ Quang Tuân  
Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng  
Kế toán trưởng

**Đoàn Quang Lưu**

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 05 năm 2015



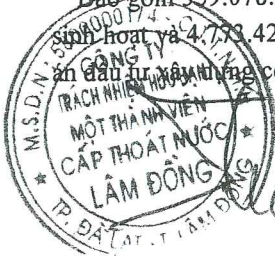
## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		142.011.171.250	140.047.722.533
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(93.418.366.408)	(76.803.356.172)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(28.739.311.324)	(28.359.998.171)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.151.633.137)	(1.308.578.790)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.095.619.623)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh <sup>[1]</sup>		22.692.779.490	24.765.173.654
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(46.557.236.822)	(47.156.300.536)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(7.258.216.574)</b>	<b>11.184.662.518</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(39.416.891.126)	(5.872.711.678)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	292.888.182
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.590.936.613	2.247.313.324
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(36.825.954.513)</b>	<b>(3.332.510.172)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		49.894.508.175	-
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.962.000.000)	(2.981.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>43.932.508.175</b>	<b>(2.981.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(151.662.912)</b>	<b>4.871.152.346</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.505.497.136	3.615.840.158
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.312.752	18.504.632
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>8.358.146.976</b>	<b>8.505.497.136</b>

[1] Bao gồm 359.078.001 VND khoản tiền nhận đóng góp từ các hộ dân thực hiện đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt và 4.733.425.000 VND khoản vốn do Ngân sách Nhà nước cấp trực tiếp làm vốn đối ứng thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.



CHỨNG THỰC SAO ĐÓNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 28/18... quyền số 06... TP/CCSCT/SGT

Ngày 16 tháng 05 năm 2015

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU

VĂN PHÒNG

CÔNG CHỨNG

ĐOÀN QUANG LƯU

Võ Quang Tuấn  
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 05 năm 2015

Nguyễn Văn Dũng  
Kế toán trưởng

**Đoàn Quang Lưu**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng là Công ty TNHH MTV (100% vốn Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND, ngày 18/10/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng. Công ty chính thức hoàn tất pháp lý theo quy định của Luật doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 11/11/2005 (chứng nhận lần đầu), đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2011.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng và Quyết định bổ sung tăng vốn điều lệ số 2852/QĐ-UBND, ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng thì vốn điều lệ của Công ty là 183.000.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2014 vốn điều lệ ghi nhận theo sổ sách của Công ty là 207.821.547.438 VND.

Trụ sở chính tại: Số 14 Quang Trung, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Công ty hiện có các đơn vị thành viên trực thuộc phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh:

Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy nước Đà Lạt	Thành Phố Đà Lạt	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy nước Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy nước Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm	Sản xuất, kinh doanh nước
Xí nghiệp xây lắp và Cung ứng Vật tư - thiết bị ngành nước	Thành Phố Đà Lạt	Xây dựng, sửa chữa
Nhà máy Nước Đạ Tẻh	Khu phố 6A, huyện Đạ Tẻh	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy Nước Đơn Dương	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy Nước Đạ Huoai	Thị trấn Madaguoil, huyện Đạ Huoai	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy Nước Đam Rông	Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông	Sản xuất, kinh doanh nước
Xí nghiệp cấp nước Đà Lạt	Thành Phố Đà Lạt	Sản xuất, kinh doanh nước
Ban quản lý Dự án	Thành Phố Đà Lạt	Quản lý dự án đầu tư
Xí Nghiệp Quản lý Thủy lượng kế	Thành Phố Đà Lạt	Cung cấp vật tư

#### Lĩnh vực hoạt động của Công ty

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh phụ:

- Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước, giám sát thi công công trình xây dựng. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm tra dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường. Thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Thi công xây dựng công trình: Cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; Sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; Quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; Tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

### 2.4 Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Đ:  
VÀI  
XON  
DAN  
47  
CÔNG  
TÍNH  
KIẾ  
AA  
KIẾ

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho sử dụng trong sản xuất kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị hàng tồn kho sử dụng trong các công trình xây dựng cơ bản được xác định theo giá đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## 2.8 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng nguyên giá TSCĐ tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Trong trường hợp tài sản đã được nghiệm thu nhưng chưa hoàn tất thủ tục quyết toán, nguyên giá tài sản được ghi tăng theo giá tạm tính.



Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao hàng năm được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 30 năm
- Thiết bị quản lý	05 - 10 năm
- Các tài sản khác	04 - 25 năm
- Phần mềm quản lý	10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

## 2.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là các chi phí phát sinh trực tiếp để xây dựng các tài sản cần thiết phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc.

Khoản phạt chậm tiến độ đối với các nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc Tiểu dự án Tuyển cạnh tranh 6 thị trấn - Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam được ghi giảm Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

## 2.10 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

## 2.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong năm là: 1,08 %

## 2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

0011110  
CÔNG T  
CH NHIỆM H  
NG KIỂM  
AAS  
KIỂM - T



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.13 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

### 2.15 Ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu kinh doanh nước sạch của Công ty được ghi nhận căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chi số trên đồng hồ nước vào thời điểm ghi nhận chỉ số nước (thường không trùng khớp với thời điểm kết thúc niên độ).

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi đầu tư và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.16 Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.17 Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**2.18 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	134.404.662	144.443.432
Tiền gửi ngân hàng	8.223.742.314	8.361.053.704
	<u>8.358.146.976</u>	<u>8.505.497.136</u>



**4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.580.466.743	1.880.466.742
Phải thu khác	2.901.780.684	3.667.628.422
- Phải thu Công ty CP Tư vấn Xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng	1.432.090.476	1.432.090.476
- Phải thu giá trị các công trình đã quyết toán tại XNXL	45.645.923	915.374.720
- Phải thu Trung tâm Quy hoạch chi phí di dời Văn phòng Công ty	-	326.355.000
- Phải thu Ngân sách chi phí quản lý lòng hồ ĐạiKia	236.768.084	191.556.507
- Phải thu về thuế TNCN	99.331.241	110.771.532
- Phải thu vật tư dự phòng đội thi công tuyến ống	177.718.400	117.718.400
- Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	-	365.720.000
- Phải thu liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Hợp Xuân và Công ty TNHH Tư vấn Kiểm soát Thiết kế Xây dựng Cấp thoát nước Lào Cai	539.488.651	-
- Phải thu liên danh Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành và Công ty TNHH Công nghệ Môi trường và Xây dựng Sài Gòn	146.231.000	-
- Phải thu các đối tượng khác	224.506.909	208.041.787
	<b>4.482.247.427</b>	<b>5.548.095.164</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.447.077.573	14.344.944.732
Công cụ, dụng cụ	1.243.767.935	1.491.979.012
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.875.243.665	2.239.341.225
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(124.820.983)	-
	<b>16.441.268.190</b>	<b>18.076.264.969</b>

**6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	777.392.063	-
Thuế thu nhập cá nhân	547.397.744	428.022.081
Các khoản khác phải thu Nhà nước	86.640.136	235.168.702
	<b>1.411.429.943</b>	<b>663.190.783</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	287.508.805	306.754.706
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	500.004	24.172.500
	<b>288.008.809</b>	<b>330.927.206</b>



8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>											
Số dư đầu năm	36.255.375.827	17.943.127.047	159.483.383.071	12.169.358.311	16.089.061.273	241.940.305.529					
Số tăng trong năm	1.966.431.406	4.234.113.123	16.067.369.770	774.001.956	8.324.930.639	31.366.846.894					
- <i>Mua trong năm</i>	-	190.000.000	-	774.001.956	-	964.001.956					
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	1.966.431.406	4.044.113.123	16.067.369.770	-	8.324.930.639	30.402.844.938					
Số giảm trong năm	(36.216.903)	(116.155.163)	-	(200.975.160)	-	(353.347.226)					
- <i>Giảm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC</i>	(36.216.903)	(116.155.163)	-	(200.975.160)	-	(353.347.226)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>38.185.590.330</b>	<b>22.061.085.007</b>	<b>175.550.752.841</b>	<b>12.742.385.107</b>	<b>24.413.991.912</b>	<b>272.953.805.197</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>											
Số dư đầu năm	10.120.581.360	7.872.241.725	43.302.432.952	9.088.417.115	1.357.635.951	71.741.309.103					
Số tăng trong năm	1.479.754.894	1.181.188.495	5.942.442.015	808.814.858	871.925.439	10.284.125.701					
- <i>Khấu hao trong năm</i>	1.479.754.894	1.181.188.495	5.942.442.015	808.814.858	871.925.439	10.284.125.701					
Số giảm trong năm	(3.434.468)	(65.417.460)	-	(97.077.770)	-	(165.929.698)					
- <i>Giảm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC</i>	(3.434.468)	(65.417.460)	-	(97.077.770)	-	(165.929.698)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.596.901.786</b>	<b>8.988.012.760</b>	<b>49.244.874.967</b>	<b>9.800.154.203</b>	<b>2.229.561.390</b>	<b>81.859.505.106</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>											
Tại ngày đầu năm	26.134.794.467	10.070.885.322	116.180.950.119	3.080.941.196	14.731.425.322	170.198.996.426					
Tại ngày cuối năm	<b>26.588.688.544</b>	<b>13.073.072.247</b>	<b>126.305.877.874</b>	<b>2.942.230.904</b>	<b>22.184.430.522</b>	<b>191.094.300.091</b>					

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.269.763.760 VND.

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	737.591.000	340.826.842	1.078.417.842
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>737.591.000</b>	<b>340.826.842</b>	<b>1.078.417.842</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	61.726.539	327.406.207	389.132.746
Số tăng trong năm	14.751.820	13.420.635	28.172.455
- <i>Khấu hao trong năm</i>	14.751.820	13.420.635	28.172.455
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>76.478.359</b>	<b>340.826.842</b>	<b>417.305.201</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	675.864.461	13.420.635	689.285.096
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>661.112.641</b>	<b>-</b>	<b>661.112.641</b>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Tiểu dự án Tuyển cạnh tranh 6 Thị trấn <sup>[1]</sup>	45.078.585.369	66.092.765.082
- Tiểu dự án Nâng cấp và mở rộng HTCN Tp. Đà Lạt <sup>[2]</sup>	85.670.313.531	4.749.034.852
- Tiểu dự án Thoát nước, thu gom và xử lý nước thải Tp. Đà Lạt <sup>[3]</sup>	20.549.297.596	8.678.169.572
- Các dự án khác	5.183.106.685	2.036.057.324
	<b>156.481.303.181</b>	<b>81.556.026.830</b>

<sup>[1]</sup> Tiểu dự án Tuyển cạnh tranh thuộc dự án Phát triển cấp nước Đô thị Việt Nam tại 6 thị trấn gồm: Thị trấn Tân Hà, thị trấn Nam Ban, thị trấn Madaguoi, thị trấn Đambri, thị trấn Đ'ran, thị trấn Bằng Lãng với mục tiêu: Cung cấp nước sinh hoạt cho các thị trấn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tổng mức đầu tư được duyệt là 174.270.000.000 VND được tài trợ bởi nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới là 137.960.000.000 VND, vốn đối ứng của Tỉnh và doanh nghiệp là 36.310.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2014 đã hoàn thành 4 tiểu dự án, còn lại tiểu dự án Thị trấn Madaguoi dự kiến hoàn thành trong quý 1/2015, tiểu dự án Thị trấn Nam Ban dự kiến hoàn thành trong quý 2/2015.

<sup>[2]</sup> Tiểu dự án Nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt với mục tiêu: Nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt nhằm giải quyết những bất cập về cơ sở hạ tầng đô thị, đảm bảo cấp nước đầy đủ cho các nhu cầu phát triển, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Lạt. Tổng mức đầu tư được duyệt là 349.208.368.220 VND (tương đương 19.389.693 USD) được tài trợ bởi nguồn vốn vay IDA và IBRD của Ngân hàng Thế giới (69,52%) và vốn đối ứng từ Ngân sách (30,48%). Thời gian thực hiện từ năm 2010 đến năm 2020.

<sup>[3]</sup> Tiểu dự án Xây dựng Hệ thống thoát nước và thu gom xử lý nước thải thành phố Đà Lạt với mục tiêu: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt nhằm giải quyết những bất cập về cơ sở hạ tầng đô thị, từng bước cải thiện môi trường đô thị, góp phần phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Tổng mức đầu tư được duyệt là 390.724.735.604 VND (tương đương 21.694.877 USD) sử dụng nguồn vốn vay IDA của Ngân hàng Thế giới (69,52%) và đối ứng từ Ngân sách (30,48%). Thời gian thực hiện từ năm 2010 đến năm 2020.

#### 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>25.758.000.000</b>	<b>25.758.000.000</b>
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Bảo Lộc	20.503.000.000	20.503.000.000
Công ty Cổ phần Cấp Nước và Xây Dựng Di Linh	5.255.000.000	5.255.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>20.567.000.000</b>	<b>20.567.000.000</b>
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Thung Lũng Vàng	17.528.000.000	17.528.000.000
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Đức Trọng	2.889.000.000	2.889.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Thoát Nước Lâm Đồng	150.000.000	150.000.000
	<b>46.325.000.000</b>	<b>46.325.000.000</b>

#### Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Bảo Lộc	Lâm Đồng	76%	76%	Cấp thoát nước và xây dựng
Công ty Cổ phần Cấp Nước và Xây Dựng Di Linh	Lâm Đồng	57%	57%	Cấp thoát nước và xây dựng

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Thung Lũng Vàng	Lâm Đồng	48%	48%	Dịch vụ du lịch, nhà hàng
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Đức Trọng	Lâm Đồng	32%	32%	Cấp thoát nước và xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Thoát Nước Lâm Đồng	Lâm Đồng	25%	25%	Cấp thoát nước và xây dựng

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.671.842.656	8.277.642.898
Số tăng trong năm	5.295.740.683	4.277.688.320
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(6.395.185.870)	(3.883.488.562)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.572.397.469</b>	<b>8.671.842.656</b>
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	4.552.791.980	7.397.073.490
Chi phí khác chờ phân bổ	3.019.605.489	1.274.769.166
	<b>7.572.397.469</b>	<b>8.671.842.656</b>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>5.420.821.183</b>	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng <sup>[1]</sup>	5.420.821.183	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>5.962.000.000</b>	<b>5.962.000.000</b>
- Bộ Tài chính Việt Nam (Xem chi tiết thuyết minh số 17)	5.962.000.000	5.962.000.000
	<b>11.382.821.183</b>	<b>5.962.000.000</b>

**Thông tin chi tiết khoản vay ngắn hạn:**

<sup>[1]</sup> Hợp đồng tín dụng hạn mức số 36/2014/2614249/HĐTD ngày 28/11/2014 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời hạn vay: Theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;
- Lãi suất: 5,2% năm;
- Biện pháp đảm bảo tiền vay: Bảo lãnh bên thứ ba; Toàn bộ số dư tiền mặt và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	131.242.862
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	134.604.195
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.648.736	413.333.712
	<b>10.648.736</b>	<b>679.180.769</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	238.725.622	261.828.372
Trích trước chi phí sản xuất, kinh doanh	610.927.540	-
	<b>849.653.162</b>	<b>261.828.372</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	234.085.189	33.889.329
Bảo hiểm xã hội	27.005.866	27.006.038
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.796.862.906	5.279.748.257
- Phải trả tiền bảo hành công trình giữ lại	26.555.862	1.387.150.683
- Phải trả Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thung Lũng Vàng	318.792.580	986.885.019
- Phải trả thù lao kiểm soát viên không chuyên trách	55.200.000	-
- Phải trả phí nước thải	363.748.825	439.269.740
- Phải trả tiền nhận được cho hạng mục Quy trình vận hành, đánh giá an toàn đập Đankia và Tuyền Lâm	144.130.000	1.708.710.000
- Phải trả khoản WB giải ngân cho dự án cấp nước Đà Lạt <sup>[*]</sup>	1.881.630.317	-
- Phải trả tiền nước trên hệ thống tại Thành phố Đà Lạt	204.789.736	242.453.577
- Phải trả tiền ký quỹ sử dụng tiền nước	448.023.953	309.729.653
- Phải trả, phải nộp khác	353.991.633	205.549.585
	<b>4.057.953.961</b>	<b>5.340.643.624</b>

[\*] Khoản tiền ứng trước tài khoản chi định cấp II tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm đồng theo hướng dẫn quản lý thực hiện dự án cấp và nước thải đô thị.



17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn đối tượng khác	130.921.605.337	92.409.918.345
- Bộ Tài chính Việt Nam	130.921.605.337	92.409.918.345
	<u>130.921.605.337</u>	<u>92.409.918.345</u>

Vay Bộ Tài chính Việt Nam bao gồm các hợp đồng sau:

- [1] Hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 16/12/2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA.
- Mục đích tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Madaguoil, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đambri huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam.
  - Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam tương đương không vượt quá 137.960.000.000 VND.
  - Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó có 3 năm ân hạn, thực hiện theo 34 bán niên bằng nhau vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm.
  - Lãi suất vay áp dụng thống nhất cho thời hạn vay nêu trên là 3%/năm; Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay được tính từ ngày đến hạn mà không trả cho đến ngày thực trả nếu chậm từ 15 ngày trở lên.
  - Tổng số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 92.409.918.345 VND, nợ gốc phải trả trong năm 2015 là 5.962.000.000 VND.
- [2] Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài Chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 28/12/2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA.
- Mục đích tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước: Dự án đầu tư xây dựng năng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị;
  - Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam tương đương không vượt quá 13.184.521 USD (tương đương 274.422.627.526 VND tại thời điểm phê duyệt);
  - Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó có 5 năm ân hạn, thực hiện theo 30 bán niên bằng nhau vào các ngày 15/05 và 15/11 hàng năm;
  - Lãi suất cho vay áp dụng thống nhất cho thời hạn vay nêu trên là 6,75%/năm, cộng phí cho vay lại 0,2%/năm cho khoản tiền vay đã giải ngân và số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay được tính từ ngày đến hạn mà ko trả cho đến ngày thực trả;
  - Tổng số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là: 44.452.074.635 VND và 1.018,25 USD tương ứng 21.612.357 VND. Dự án mới bắt đầu giải ngân trong năm 2014.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Cộng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		
Số dư đầu năm trước	200.961.124.886		3.752.309.566		2.466.290.418		-		10.244.274.452		217.423.999.322
Lãi trong năm	-		-		-		1.588.026.682		-		1.588.026.682
Tăng do Ngân sách cấp vốn đối ứng tiểu dự án	-		-		-		-		6.954.765.052		6.954.765.052
Phân phối lợi nhuận	-		476.408.007		-		(1.588.026.682)		-		(1.111.618.675)
Điều chỉnh theo Thông tư 220/2013/TT-BTC	-		2.453.640.417		(2.453.640.417)		-		-		-
Giảm khác	-		-		(12.650.001)		-		-		(12.650.001)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>200.961.124.886</b>		<b>6.682.357.990</b>		<b>-</b>		<b>-</b>		<b>17.199.039.504</b>		<b>224.842.522.380</b>
Số dư đầu năm nay	200.961.124.886		6.682.357.990		-		-		17.199.039.504		224.842.522.380
Lãi trong năm	-		-		-		899.758.533		-		899.758.533
Tăng do Ngân sách cấp vốn đối ứng tiểu dự án <sup>[1]</sup>	6.465.344.551		(6.465.344.551)		-		-		31.894.564.333		31.894.564.333
Mua sắm TSCĐ từ Quỹ đầu tư phát triển <sup>[2]</sup>	-		-		-		-		-		-
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		(899.758.533)		-		(899.758.533)
Tăng khác <sup>[2]</sup>	395.078.001		-		-		-		-		395.078.001
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>207.821.547.438</b>		<b>217.013.439</b>		<b>-</b>		<b>-</b>		<b>49.093.603.837</b>		<b>257.132.164.714</b>

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng và Quyết định bổ sung tăng vốn điều lệ số 2852/QĐ-UBND, ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng thì vốn điều lệ của Công ty là 183.000.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2014 vốn điều lệ ghi nhận theo số sách của Công ty là 207.821.547.438 VND, vượt vốn điều lệ đăng ký là 24.821.547.438 VND. Công ty dự kiến trong những năm tiếp sau sẽ hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc tăng vốn.

<sup>[1]</sup> Trong năm 2014 Công ty nhận nguồn vốn ngân sách để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng với số tiền 31.894.564.333 VND. Trong đó bao gồm Dự án Đánh giá an toàn đập Đankia và Tuyên Lâm đã nhận nguồn ngân sách cấp năm 2013 sang năm 2014 mới ghi nhận tăng Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, số tiền 1.564.580.000 VND.

<sup>[2]</sup> Trong năm 2014 Công ty ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu khoản tiền nhận đóng góp từ các hộ dân thực hiện đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt với số tiền 359.078.001 VND và tăng từ việc mua sắm TSCĐ từ Quỹ đầu tư phát triển số tiền 6.465.344.551 VND theo hướng dẫn của Thanh tra tỉnh Lâm Đồng theo biên bản làm việc ngày 20/8/2014.

**19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu nước sạch	129.140.077.450	115.479.952.458
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	8.801.914.317	9.369.304.948
	<b>137.941.991.767</b>	<b>124.849.257.406</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn nước sạch	110.338.624.200	98.958.959.294
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	7.998.546.425	8.290.590.941
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	124.820.983	-
	<b>118.461.991.608</b>	<b>107.249.550.235</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	82.029.690	73.625.301
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.208.906.924	466.701.516
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.312.752	18.504.632
	<b>2.295.249.366</b>	<b>558.831.449</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.652.187.131	679.081.799
	<b>1.652.187.131</b>	<b>679.081.799</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuê bao đồng hồ	3.808.055.909	3.080.017.146
Chi phí khác bằng tiền	237.033.182	198.104.546
	<b>4.045.089.091</b>	<b>3.278.121.692</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.939.306	234.765.341
Chi phí nhân công	2.489.647.271	3.962.041.479
Chi phí xăng xe, công tác phí	1.523.089.063	1.445.996.671
Chi phí khấu hao tài sản cố định	196.153.145	201.788.742
Chi phí dự phòng	828.242.229	-
Thuế phí và lệ phí	17.068.665	28.411.951
Chi phí khác bằng tiền	8.361.601.598	7.237.968.116
	<b>13.474.741.277</b>	<b>13.110.972.300</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Nhập phục hồi đồng hồ nước	85.131.005	164.100.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	430.909.091
Thu nhập từ phí môi trường và phí nước thải để lại	501.926.510	506.884.376
Thu nhập từ tiền điện các đơn vị khác sử dụng	410.485.519	628.965.957
Thu nhập khác	572.589.176	148.283.161
	<b>1.570.132.210</b>	<b>1.879.142.585</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Các chi phí liên quan thanh lý Tài sản cố định	-	13.810.000
Chi phí chi trả việc thu hộ phí môi trường và phí nước thải	506.884.376	95.164.100
Chi phí tiền điện cho các đơn vị ngoài sử dụng lại	409.485.466	626.650.164
Chi phí cắt giảm theo biên bản thanh tra	786.472.138	-
Chi phí khác	311.018.308	26.317.941
	<b>2.013.860.288</b>	<b>761.942.205</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.083.381.898	1.961.801.737
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.422.434.786)	(466.701.516)
Các khoản điều chỉnh tăng	786.472.138	-
- Các khoản chi phí không được trừ	786.472.138	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.208.906.924)	(466.701.516)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(2.208.906.924)	(466.701.516)
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	660.947.112	1.495.100.221
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	145.408.365	373.775.055
Thuế TNDN điều chỉnh theo thanh tra	1.038.215.000	
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.183.623.365</b>	<b>373.775.055</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	134.604.195	(239.170.860)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.095.619.623)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(777.392.063)</b>	<b>134.604.195</b>

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trong đương tiền	8.358.146.976	-	8.505.497.136	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.536.422.015	(828.242.229)	8.275.589.882	-
<b>Cộng</b>	<b>17.894.568.991</b>	<b>(828.242.229)</b>	<b>16.781.087.018</b>	<b>-</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			142.304.426.520	98.371.918.345
Phải trả người bán, phải trả khác			58.372.141.936	15.283.565.075
Chi phí phải trả			849.653.162	261.828.372
			<b>201.526.221.618</b>	<b>113.917.311.792</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp

3/12/14  
VGD  
DỊCH VỤ  
CÔNG TY  
CH NHIỆM  
KIỂM  
AAS  
KIỂM

lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.358.146.976	8.358.146.976
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.708.179.786	8.708.179.786
<b>Cộng</b>	<b>17.066.326.762</b>	<b>17.066.326.762</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.505.497.136	8.505.497.136
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.275.589.882	8.275.589.882
<b>Cộng</b>	<b>16.781.087.018</b>	<b>16.781.087.018</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	11.382.821.183	25.329.481.314	105.592.124.023	142.304.426.520
Phải trả người bán, phải trả khác	58.372.141.936			58.372.141.936
Chi phí phải trả	849.653.162			849.653.162
<b>Cộng</b>	<b>70.604.616.281</b>	<b>25.329.481.314</b>	<b>105.592.124.023</b>	<b>201.526.221.618</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	5.962.000.000	23.847.745.493	68.562.172.852	98.371.918.345
Phải trả người bán, phải trả khác	15.283.565.075			15.283.565.075
Chi phí phải trả	261.828.372			261.828.372
<b>Cộng</b>	<b>21.507.393.447</b>	<b>23.847.745.493</b>	<b>68.562.172.852</b>	<b>113.917.311.792</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu xây lắp của Công ty chiếm 6% tổng doanh thu. Đồng thời, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



### 31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Cổ tức nhận được</b>			
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Bảo Lộc	Công ty con	349.721.324	53.716.543
Công ty Cổ phần Cấp Nước và Xây Dựng Di Linh	Công ty con	1.230.180.000	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Thung Lũng Vàng	Công ty liên kết	397.885.600	181.864.973
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Đức Trọng	Công ty liên kết	231.120.000	231.120.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Phải thu</b>			
Công ty Cổ phần Cấp Nước và Xây Dựng Di Linh	Công ty con	1.580.466.743	1.880.466.742
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Thoát Nước Lâm Đồng	Công ty liên kết	1.432.090.476	1.432.090.476
<b>Phải trả</b>			
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Thung Lũng Vàng	Công ty liên kết	318.792.580	986.885.020

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty	1.421.000.868	1.399.030.653

### 32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



Võ Quang Tuấn  
Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng  
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 05 năm 2015



**PHẦN II**

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ**

1001 01/01/2014

Số: 1111 /2015/BCKT.TC-AASC.KT5

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP  
VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ**

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 20 tháng 06 năm 2015 trình bày ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về báo cáo tài chính, chúng tôi cũng xem xét tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải có được sự hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các vấn đề tuân thủ có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu trên báo cáo tài chính, cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thiết kế và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện các thủ tục khác mà chúng tôi cho là cần thiết trong bối cảnh của Công ty để có được đầy đủ bằng chứng thích hợp cho ý kiến của chúng tôi.

Do hạn chế vốn có của kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính, bao gồm cả khả năng thông đồng hoặc kiểm soát không phù hợp, dẫn đến các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót có thể xảy ra và không thể ngăn ngừa hoặc phát hiện một cách thường xuyên. Ngoài ra, các kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính trong tương lai cũng sẽ tùy thuộc vào các rủi ro mà hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được cập nhật phù hợp, do những thay đổi về bối cảnh hoặc mức độ không tuân thủ với các chính sách, thủ tục đã được thiết lập.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Công ty đã duy trì hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo các vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu không còn chứa đựng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.



**Đỗ Mạnh Cường**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0744-2013-002-1

**CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN AASC**

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2015

**CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 2869, quyển số: 06, TP/CCSCT/SGT

Ngày: 08 tháng 12 năm 2017

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU**



**Trần Thị Mai Hương**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0593-2013-002-1

**Đoàn Quang Lưu**

Đ: 07/TP  
VĂN PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
ĐOÀN QUANG

LÁT - T. L.  
100  
C  
PÁCH  
ANG  
A  
V. K.

**PHẦN III**

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ**



Handwritten text in the right margin, partially obscured and difficult to read.

Số: 1111/2015/BCKT.TC-AASC.KT5

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ**

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 20 tháng 06 năm 2015 trình bày ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về báo cáo tài chính, chúng tôi đã kiểm tra việc tuân thủ các điều khoản của Hiệp định Tín dụng số IDA 4948-VN, pháp luật, các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 ("Yêu cầu").

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật, các quy định và các điều khoản có liên quan đến Yêu cầu.

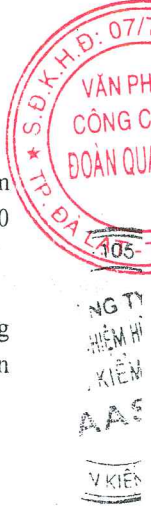
### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc tuân thủ các Yêu cầu dựa trên các thủ tục của chúng tôi. Trách nhiệm của chúng tôi cũng bị giới hạn bởi các thử nghiệm tuân thủ các Yêu cầu, nên sẽ không bao gồm toàn bộ các thử nghiệm tuân thủ tất cả các luật và quy định có thể áp dụng đối với Công ty.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định của đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch, thực hiện các thủ tục để có được sự đảm bảo hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ các Yêu cầu.

Dịch vụ đảm bảo cho việc báo cáo về tính tuân thủ với những Yêu cầu của Công ty bao gồm các thủ tục thực hiện để thu thập các bằng chứng chứng minh mọi hoạt động của Công ty không còn chứa đựng những vi phạm trọng yếu về tính tuân thủ theo những Yêu cầu này. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải có sự hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến tính tuân thủ theo Yêu cầu. Các thủ tục được lựa chọn phụ thuộc vào xét đoán của chúng tôi, bao gồm việc đánh giá các rủi ro mà Công ty có thể không tuân thủ các Yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính. Các thủ tục của chúng tôi cũng bao gồm các thử nghiệm tuân thủ các Yêu cầu mà chúng tôi cho là cần thiết để đảm bảo hợp lý rằng Công ty đã tuân thủ các Yêu cầu.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ pháp luật, các Yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2013-002-1

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC**  
Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2015

**CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực 2870... quyển số 06... TP/CCSCT/SGT

Ngày 08 tháng 12 năm 2017...

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU**



**Trần Thị Mai Hương**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0593-2013-002-1

**Đoàn Quang Lưu**

P - C  
ÔNG  
HỨNG  
NG LƯU  
LÂM

0100  
C  
TRÁCH  
HÃNG  
HOÀN

**PHẦN IV**

**Thư quản lý**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



GT  
EMF  
NEM  
S  
M

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2015

Kính gửi: **Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng**  
Số 14, Quang Trung - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam

Thưa Quý Ban,

Chúng tôi đã hoàn thành việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi đã xem xét các quy trình kế toán và kiểm soát nội bộ, cũng như đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật, các quy định và điều khoản của hiệp định tài trợ.

Theo đó, chúng tôi xin gửi kèm theo đây các vấn đề mà chúng tôi ghi nhận trong quá trình kiểm toán cùng với các đề xuất. Chúng tôi đã thảo luận các vấn đề này với Ban Giám đốc và những ý kiến trả lời cũng đã được nêu trong Thư này.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Ban lãnh đạo Công ty trong thời gian thực hiện cuộc kiểm toán. Chúng tôi mong sẽ tiếp tục hợp tác làm việc với Quý Ban trong thời gian tới, cũng như sẽ cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cần thiết khác.



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc

**CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực 2871... quyển số 06... TP/CCSCT/SGT  
Ngày 08... tháng 12... năm 2017.



**Đoàn Quang Lưu**





**Nội dung**

1. Quản lý chi phí xây dựng cơ bản dở dang .....	37
2. Quản lý công nợ .....	38
3. Tình hình thực hiện các kiến nghị năm trước .....	39



**1. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang**

***Kiểm tra và ảnh hưởng***

Công ty chưa ghi nhận kịp thời chi phí của các tiểu dự án khi có hồ sơ xác nhận khối lượng hoàn thành và hóa đơn tài chính, do sự chậm trễ trong quá trình luân chuyển hồ sơ chứng từ liên quan. Do đó, Báo cáo tài chính thường phản ánh không đầy đủ chi phí các tiểu dự án.

***Đề xuất***

Công ty cần xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận liên quan đến các tiểu dự án nhằm đẩy nhanh quá trình này để kịp thời phản ánh chi phí phát sinh vào sổ sách kế toán.

***Ý kiến của Công ty***

Đồng ý với ý kiến kiểm toán.

## 2. Quản lý công nợ

### *Kiểm tra và ảnh hưởng*

Qua kiểm tra, phân tích và đánh giá các khoản công nợ năm 2014 của Công ty, chúng tôi thấy: Các khoản công nợ phải thu, phải trả, tiền vay chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Do vậy, Công ty chưa đảm bảo yêu cầu về quản lý công nợ, khó có thể phát hiện ra những khoản công nợ có chênh lệch để kịp thời xử lý. Đồng thời, hiệu quả của công tác đối chiếu công nợ còn yếu, chưa thực sự đáp ứng được việc cung cấp đầy đủ thông tin tài chính cho Nhà quản lý.

Tại Xí nghiệp cấp nước Lâm Hà, Xí nghiệp cấp nước Đà Lạt tồn tại một số công nợ phải thu liên quan đến hoạt động lắp đặt ống nhánh đã lâu ngày chưa thu được. Việc để công nợ tồn đọng lâu ngày dễ dẫn đến việc các khoản công nợ này trở thành công nợ khó đòi, ảnh hưởng đến khả năng bảo toàn vốn kinh doanh.

### *Đề xuất*

Các khoản công nợ phải thu, phải trả cần được đối chiếu, xác nhận định kỳ, đặc biệt là tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đồng thời, Công ty thực hiện ngay việc rà soát xác nhận, đối chiếu công nợ đối với các khoản công nợ phát sinh từ trước 31/12/2013 để đánh giá tổng thể khả năng thanh toán, thu hồi nợ, từ đó có hướng xử lý kịp thời.

Công ty cần đẩy mạnh hơn công tác thu hồi công nợ, đồng thời quy trách nhiệm cho từng cá nhân, tập thể liên quan để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý tài chính trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng cần tuân thủ đúng qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính về việc trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

### *Ý kiến của Công ty*

Về khoản công nợ tồn đọng lâu này, Công ty cũng đã nhận thấy vấn đề này. Hiện tại, Công ty và các đơn vị liên quan đang trong quá trình làm việc để đưa ra phương án xử lý. Số công nợ này giá trị không lớn nhưng để đảm bảo công tác thu hồi công nợ hiệu quả, Ban Giám đốc Công ty đã giao trách nhiệm cho người đứng đầu các xí nghiệp trong việc thu hồi các khoản công nợ này.

TỔNG  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
KIỂM T  
AAS  
KIỂM T  
G  
LƯU  
M.F

3. Tình hình thực hiện các khuyến nghị năm trước

STT	Các vấn đề đã khuyến nghị năm 2013	Tình hình thực hiện năm nay
1	Rà soát sắp xếp lại hệ thống mã vụ việc theo hướng nhóm công nợ, nguồn vốn, chi phí của riêng từng tiêu dự án được hợp nhất vào các báo cáo một cách hiệu quả.	Chưa thực hiện.
2	Xây dựng giải pháp đồng bộ trong việc thi công các hạng mục từ việc xây dựng nhà máy đến thi công các đường ống cái và ống nhánh để đưa các công trình vào sử dụng khai thác thương mại sớm nhất. Đồng thời, tổ chức rút kinh nghiệm cho các dự án triển khai sau này.  Xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận liên quan đến các tiêu dự án nhằm đẩy nhanh quá trình này để kịp thời phản ánh chi phí phát sinh vào sổ sách kế toán.	Đã thực hiện.  Chưa thực hiện.
3	Đẩy mạnh hơn công tác thu hồi công nợ, đồng thời quy trách nhiệm cho từng cá nhân, tập thể liên quan để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý tài chính trong doanh nghiệp. Đồng thời tuân thủ đúng qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính về việc trích lập dự và sử dụng các khoản phòng nợ phải thu khó đòi.	Đã khắc phục được một phần, vẫn còn các khoản công nợ tồn đọng chưa có biện pháp xử lý.
4	Xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận liên quan đến quy trình hạch toán doanh thu lắp đặt hệ thống cấp nước nhằm đẩy nhanh quá trình này để phản ánh kịp thời doanh thu và giá vốn tương ứng vào sổ sách kế toán.	Đã thực hiện.
5	Các vật tư chậm luân chuyển cần được đánh giá về chất lượng, phân loại phẩm cấp, từ đó kịp thời đề ra biện pháp quản lý cho từng chủng loại, từng phẩm cấp vật tư một cách hiệu quả và phù hợp.	Đã khắc phục được một phần.

